

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST
Ngày 17-6-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hằng – Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2020/TLST- DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST – DS ngày 18 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S;

Địa chỉ: 266-268 Nam kỳ Khởi Nghĩa, Phường T, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc;

Địa chỉ: 76/18B H, phường S, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Ngọc H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S, chi nhánh B

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Tiên M, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ “Có mặt”;

Địa chỉ: khu phố T, phường P, TP. Đ, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Bà Trần Lê Ngọc S, sinh năm 1982 “Vắng mặt”;

Địa chỉ: Thôn 1 xã V, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Tiến M – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 22/4/2014, Ngân hàng S và bà Trần Lê Ngọc S đã ký hợp đồng tín dụng số LD 1411200515 ngày 22/4/2014 về việc Ngân hàng S cho bà Trần Lê Ngọc S vay tổng số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 0,8 5%, thời hạn vay 36 tháng, thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 22/4/2017. Mục đích bà S vay tiền để tiêu dùng, khi vay không có thế chấp tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Trần Lê Ngọc S chỉ mới trả cho Ngân hàng S tổng số tiền gốc và lãi suất là 24.045.690 đồng tính đến ngày 30/3/2015. Từ kỳ hạn trả nợ ngày 02/5/2015 đến nay bà Trần Lê Ngọc S chưa trả cho Ngân hàng S thêm số tiền gốc và lãi suất nào thêm. Do bà Trần Lê Ngọc S vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 03/5/2015 nên Ngân hàng S, chi nhánh B đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng S yêu cầu bà Trần Lê Ngọc S trả số tổng số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 17/6/2021 là 87.402.551 đồng (tiền gốc còn lại 41.564.310 đồng, lãi trong hạn là 12.750.000 đồng, lãi suất quá hạn 33.088.241 đồng).

Ngoài ra Ngân hàng S yêu cầu bà S thanh toán tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 18/6/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. *Bị đơn bà Trần Lê Ngọc S:* Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án đã thông báo hợp lệ trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng.

Ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Tuy nhiên, ngày 06/8/2020 Tòa án thụ lý vụ án đến ngày 18/5/2021 mới có Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân

hàng S. Buộc Trần Lê Ngọc S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S tổng số tiền gốc còn lại 41.564.310 đồng và lãi suất.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” do nguyên đơn Ngân hàng S làm đơn khởi kiện. Vì bị đơn bà Trần Lê Ngọc S có hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã V, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2] Đối với bị đơn bà Trần Lê Ngọc S đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng đúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Trần Lê Ngọc S vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Lê Ngọc S vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần Lê Ngọc S là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng S do ông Trần Tiến M làm đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Trần Lê Ngọc S trả số tổng số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 17/6/2021 là 87.402.551 đồng (tiền gốc còn lại 41.564.310 đồng, lãi trong hạn là 12.750.000 đồng, lãi suất quá hạn 33.088.241 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn:

Căn cứ hợp đồng tín số LD 1411200515 ngày 22/4/2014 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín và bà Trần Lê Ngọc S Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 22/4/2014, Ngân hàng S đã cho bà Trần Lê Ngọc S vay tổng số tiền gốc 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 0,85%, thời hạn vay 36 tháng, thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 22/4/2017. Mục đích bà S vay tiền để tiêu dùng, khi vay không thể chấp tài sản bảo đảm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Trần Lê Ngọc S chỉ trả cho Ngân hàng S tổng số tiền gốc và lãi suất là 24.045.690 đồng tính đến ngày 30/3/2015. Khi đến hạn trả nợ tiếp theo ngày 02/5/2015, bà S vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả tiền nợ gốc theo như thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, tính đến ngày 16/6/2021, bị đơn bà S còn nợ Ngân hàng S tiền gốc của Hợp đồng tín dụng trên là 41.564.310 đồng. Phía bị đơn là bà S mặc dù không có mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ vào Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng S, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc

của nguyên đơn, buộc buộc bà Trần Lê Ngọc S có nghĩa vụ trả số tổng số tiền gốc còn lại 41.564.310 đồng cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3.2] Đối với yêu cầu tính tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín số LD 1411200515 ngày 22/4/2014 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và bà Trần Lê Ngọc S tính đến ngày 17/6/2021 là 45.838.421 đồng (trong đó lãi trong hạn là 12.750.000 đồng, lãi suất quá hạn là 33.088.241 đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy, tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc và lãi kỳ hạn cuối cùng vào 22/4/2017 nhưng phía bị đơn bà S không thực hiện đúng cam kết. Như vậy, ngày 23/4/2017 được coi là ngày quyền và lợi ích của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín bị xâm phạm, đến ngày 23/7/2020 Ngân hàng mới nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi đã hết thời hiệu. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và đến trước khi Tòa án ra bản án, quyết định phía bị đơn bà S vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến về việc yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu nộp cho Tòa án. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn trả tiền nợ lãi của nguyên đơn.

[3.3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 18/6/2021 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.788.000 đồng. Căn cứ Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự nguyên đơn phải chịu, được trừ vào số tiền 2.788.000 đồng mà Ngân hàng S đã nộp tạm ứng trước đây. Ngân hàng S đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Mức án phí được quy định như sau: Đối với giá trị tài sản có tranh chấp từ trên 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, mức án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp.

Do đó, bị đơn phải chịu tiền án phí là: $87.402.551 \text{ đồng} \times 5\% = 4.370.127 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 119, khoản 2 Điều 149, Điều 280, Điều 357, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng S.

Buộc bị đơn bà Trần Lê Ngọc S phải cho Ngân hàng S tổng số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 17/6/2021 là 87.402.551 đồng (Tám mươi bảy triệu bốn trăm linh hai nghìn năm trăm năm mươi một đồng), (tiền gốc 41.564.310 đồng, lãi trong hạn là 12.750.000 đồng, lãi suất quá hạn 33.088.241 đồng)

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.370.127 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi nghìn một trăm hai mươi bảy đồng) bà Trần Lê Ngọc S phải chịu.

Ngân hàng S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 442.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019369 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (Hợp đồng tín số LD 1411200515 ngày 22/4/2014) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại

phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công